

Số: /KH-UBND

Vĩnh Lộc, ngày tháng 4 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Vĩnh Lộc năm 2025**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/10/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư 08/2023/TTBGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ GD&ĐT về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính Quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề

ng nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện; Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;

Căn cứ Thông tư 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

Căn cứ Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 15/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện các quy định về thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Công văn số 7211/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 26/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chế độ chính sách và thăng hạng chức danh nghề nghiệp đội ngũ nhân viên trường học;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Căn cứ Đề án số 2529/ĐA-UBND ngày 12/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc về Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Vĩnh Lộc năm 2024;

Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc ban hành Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Vĩnh Lộc năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC

1. Mục đích

- Lựa chọn được đội ngũ viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp theo quy định nhằm góp phần xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, nhân viên hành chính có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

- Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên, nhân viên

tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện; khắc phục những bất hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý viên chức.

- Động viên, khuyến khích đội ngũ giáo viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Việc xác định số lượng viên chức hạng chức danh nghề nghiệp theo Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm của đơn vị và Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Đối với hạng I không quá 10%, hạng II không quá 50%, hạng III không quá 40%.

2. Yêu cầu

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải đúng đối tượng; đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của đơn vị.

- Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được tổ chức đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn chức danh dự xét theo quy định và được cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị cử dự xét.

3. Nguyên tắc

- Việc xét thăng hạng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng, công khai, minh bạch và đúng đối tượng theo quy định.

II. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

Số lượng được phê duyệt tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng số chỉ tiêu xét thăng hạng viên chức: **123** chỉ tiêu. Cụ thể:

1. Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo

a) Cấp mầm non: 99 chỉ tiêu, trong đó:

- Viên chức quản lý hạng III lên hạng II: 01 chỉ tiêu;

- Giáo viên mầm non hạng III lên hạng II: 87 chỉ tiêu;

- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Nhân viên hành chính hạng V lên hạng IV: 02 chỉ tiêu;
- Nhân viên hành chính hạng IV lên hạng III: 08 chỉ tiêu.

b) Cấp tiểu học: 12 chỉ tiêu, trong đó:

- Nhân viên hành chính hạng V lên hạng IV: 02 chỉ tiêu;
- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 02 chỉ tiêu;
- Thư viện viên hạng IV lên Thư viện viên hạng III: 08 chỉ tiêu.

c) Cấp trung học cơ sở: 07 chỉ tiêu, trong đó:

- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 02 chỉ tiêu;
- Thư viện viên hạng IV lên Thư viện viên hạng III: 05 chỉ tiêu.

d) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: 01 chỉ tiêu, trong đó:

- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 01 chỉ tiêu.

2. Sự nghiệp khác

a) Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp: 01 chỉ tiêu, trong đó:

- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 01 chỉ tiêu.

b) Trung tâm Văn hoá, Thông tin, Thể thao và Du lịch: 03 chỉ tiêu, trong đó:

- Viên chức quản lý hạng IV lên hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Hướng dẫn viên hạng IV lên Huấn luyện viên hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp hạng IV lên Tuyên truyền viên văn hóa hạng III: 01 chỉ tiêu.

III. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN

1. Đối tượng dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp (mã số 06.032) đủ điều kiện, tiêu chuẩn lên ngạch Kế toán viên (mã số 06.031).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Nhân viên hành chính kiêm kế toán từ ngạch Cán sự (mã số 01.004) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng ngạch Chuyên viên (mã số 01.003).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Nhân viên (mã số: 01.005) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng lên ngạch Cán sự (mã số: 01.004);

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên Trung cấp (mã số: V.10.02.07) đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên (mã số: V.10.02.06).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp (mã số: V.10.10.36) đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hóa (mã số: V.10.10.35).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên hạng IV (mã số: V.10.01.04) đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng III (mã số: V.10.01.03).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện chung

Theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP (sửa đổi Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

- Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

- Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể

2.2.1. *Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng lên CDNN Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) theo quy*

định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 04 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.2.1.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục trở lên;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

2.2.1.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non và triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao.
- b) Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non; chủ động, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.
- c) Chủ động tổ chức và phối hợp kịp thời với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.
- d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.
- đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp huyện trở lên.
- e) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kế toán viên trung cấp (mã số: 06.032) lên kế toán viên (mã số: 06.031) theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 66/2024/TT-BTC.

2.2.2.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

2.2.2.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê

và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công.

b) Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước.

c) Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế.

d) Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị.

đ) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử.

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.2.3. Yêu cầu: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2.2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Nhân viên hành chính kiêm kế toán từ ngạch Cán sự (mã số 01.004) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng ngạch Chuyên viên (mã số 01.003) theo Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-BNV và Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV.

2.2.3.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương.

2.2.3.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác, các mục tiêu và đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý nghiệp vụ thuộc phạm vi công tác.

b) Có khả năng tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác; có khả năng tham gia nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý.

c) Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao tham mưu, đề xuất.

d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.3.3. Yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên: Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

2.2.4. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức là Nhân viên (mã số: 01.005) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng lên ngạch Cán sự (mã số: 01.004) theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BNV

2.2.4.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

2.2.4.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các nguyên tắc, chế độ, thể lệ, thủ tục và nội dung hướng dẫn nghiệp vụ, mục tiêu quản lý của ngành, lĩnh vực.

b) Nắm vững trình tự, thủ tục nghiệp vụ hành chính của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác.

c) Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

2.2.4.3. Yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch cán sự: Có thời gian giữ ngạch nhân viên và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch nhân viên thì thời gian giữ ngạch nhân viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

2.2.5. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Thư viện viên hạng IV (mã số: V.10.02.07) đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng lên CDNN Thư viện viên hạng III (mã số: V.10.02.06) theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL.

2.2.5.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

2.2.5.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển về thư viện và văn hóa đọc;

b) Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về thư viện.

c) Có năng lực phân tích, tổng hợp, những vấn đề được giao tham mưu, quản lý.

d) Có năng lực hướng dẫn người sử dụng thư viện sử dụng tiện ích thư viện để tiếp cận và khai thác thông tin.

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.2.5.3. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III: Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh thư viện viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.6. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp (mã số: V.10.10.36) đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng lên CDNN Tuyên truyền viên văn hóa (mã số: V.10.10.35) theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL

2.2.6.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa.

2.2.6.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động tuyên truyền.

b) Nắm được phương pháp tổ chức, hình thức hoạt động tuyên truyền;

c) Có hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý.

d) Có kiến thức về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; có một trong các kỹ năng: Thuyết minh, thuyết trình, biểu diễn nhạc cụ, biểu diễn văn nghệ, hội họa, thiết kế, thi công cổ động trực quan hoặc các kỹ năng nghiệp vụ khác phù hợp với hình thức tuyên truyền.

đ) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.2.6.3. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa: Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hoá trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh tuyên truyền viên văn hoá trung cấp tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.7. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức hướng dẫn viên (mã số: V.10.01.04) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng lên ngạch huấn luyện viên hạng III (mã số: V.10.01.03) theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL

2.2.7.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực thể dục thể thao.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

2.2.7.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thể dục thể thao và phát triển thể thao thành tích cao.

b) Hiểu biết luật, điều lệ thi đấu để vận dụng chỉ đạo trong tập luyện, thi đấu thể thao.

c) Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất; nắm chắc các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao.

d) Hiểu biết các nguyên lý cơ bản về giáo dục học, tâm lý học và y sinh học thể dục thể thao và vận dụng vào công tác huấn luyện các vận động viên có lứa tuổi, giới tính, trình độ khác nhau.

đ) Biết sơ cứu chấn thương cho vận động viên trong tập luyện và thi đấu thể thao.

e) Có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện.

g) Hiểu biết các quy định về phòng, chống Doping trong tập luyện và thi đấu thể thao.

h) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.2.7.3. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên:

Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề

ng nghiệp huấn luyện viên (hạng III): Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

IV. TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức (Mẫu sơ yếu lý lịch viên chức HS 02-VC/BNV theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV).
- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (về trình độ đào tạo; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; đánh giá xếp loại chất lượng 3 năm gần nhất với năm đăng ký xét thăng hạng).
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức năm học 2022 - 2023, 2023-2024, 7 tháng của năm học 2024 - 2025 của đơn vị);
- Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.
- Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân, gồm: Quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định chức danh nghề nghiệp khác (nếu có thay đổi chức danh nghề nghiệp trong quá trình công tác), Quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý và quyết định nâng bậc lương hiện hưởng.
- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.
- Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội có xác nhận của Bảo hiểm xã hội;
- Các minh chứng về thành tích trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có), phô tô chứng thực.

Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào bì đựng riêng có kích thước 250x340x5 mm, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, đơn vị công tác và thành phần hồ sơ bên trong.

2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ

Tại Phòng Nội vụ huyện Vĩnh Lộc.

Địa chỉ: Trụ sở UBND huyện Vĩnh Lộc (khu phố 3, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Hình thức: Xét thẩm định hồ sơ.

2. Nội dung:

Thẩm định việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Xác định người trúng tuyển

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

4. Thời gian, các bước tiến hành

Bước 1.

- Từ ngày 15/4/2025: Niêm yết công khai Kế hoạch Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện Vĩnh Lộc năm 2025 tại Trụ sở UBND huyện, Trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp

công lập; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Vĩnh Lộc tại địa chỉ: <http://vinhloc.thanhhoa.gov.vn>.

- Ban hành Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng.

Bước 2. Từ ngày 16/4/2025: Thông báo kế hoạch, thời gian, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 3. Từ ngày 17/4/2025 đến 23/4/2025: Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp nhận hồ sơ của viên chức, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn điều kiện và đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp gửi UBND huyện (qua phòng Nội vụ).

Bước 4. Từ ngày 24/4/2025 đến ngày 05/5/2025: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng.
- Thành lập Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng.
- Thành lập: Ban thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ thư ký giúp việc;
- Tổng hợp danh sách viên chức dự xét thăng hạng; quyết định phê duyệt danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng;
- Tổ chức xét hồ sơ: Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

Bước 5. Ngày 09/5/2025: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 6. Ngày 14/5/2025: Hội đồng xét thăng hạng thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Vĩnh Lộc.

Bước 7. Ngày 27/5/2025: Hội đồng báo cáo Chủ tịch UBND xem xét ban hành Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định pháp luật hiện hành, nội quy, quy chế thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ.

2. Phòng Nội vụ

- Tổ chức công khai Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định hiện hành.
- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện thành lập Hội đồng, Ban Giám sát.
- Là cơ quan Thường trực của Hội đồng, tham mưu cho Hội đồng thực

hiện theo Kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cử công chức, viên chức để thực hiện nhiệm vụ và chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết để tổ chức xét thăng hạng viên chức đảm bảo theo quy định.

- Lưu trữ tài liệu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Hội đồng, UBND huyện giải quyết các khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (nếu có).

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Làm tốt công tác tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, giáo viên trong ngành Giáo dục và Đào tạo hiểu rõ mục đích ý nghĩa của thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện, Hội đồng xét thăng hạng thực hiện việc thu và thẩm định hồ sơ của viên chức đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng trước khi trình Hội đồng xét thăng hạng xem xét, báo cáo Chủ tịch UBND huyện quyết định.

4. Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Phối hợp với Phòng Nội vụ huyện thực hiện việc công khai các Kế hoạch, Thông báo liên quan đến việc xét thăng chức danh nghề nghiệp viên chức theo đúng quy định.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí phòng họp, in ấn tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp với phòng Nội vụ hướng dẫn, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định (nếu có).

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Chủ tịch UBND huyện và Hội đồng xét thăng hạng.

6. Thanh tra huyện

- Cử công chức tham gia Ban Giám sát; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cử công chức, viên chức bảo đảm an ninh trật tự cho kỳ xét thăng hạng.

- Phối hợp với phòng Nội vụ giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác xét thăng hạng theo thẩm quyền.

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Chủ tịch UBND huyện và Hội đồng xét thăng hạng.

7. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện

- Triển khai Kế hoạch này đến toàn thể đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để viên chức biết đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; niêm yết công khai Kế hoạch này tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện) và đăng tải trên website của các đơn vị có nhu cầu xét thăng hạng để viên chức được biết.

- Rà soát vị trí việc làm, tổ chức sơ tuyển và cử viên chức đủ tiêu chuẩn,

điều kiện dự xét thăng hạng. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện và trước Pháp luật về điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng. Việc cử viên chức dự xét thăng hạng thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Trên đây là Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Vĩnh Lộc năm 2025. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả theo nội dung kế hoạch này/.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị sự nghiệp giáo dục;
- Trung tâm DVNN huyện;
- Trung tâm VH,TT,TT&DL huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH

Phạm Quốc Thành